TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY PHƯỚC,** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/KDTM-ST
Ngày 02-8-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

2. Ông Nguyễn Đình Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 18 tháng 01 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:19/2021/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn T; địa chỉ: số 45B, lầu 1, đường H, khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị Xuân T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 3 năm 2021); có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại C; địa chỉ: Đội 10, thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn An T2, sinh năm 1985; địa chỉ: Đội 10, thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc công ty) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Xuân T1 là người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH

T trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt là Công ty T) có trụ sở chính tại tỉnh Đồng Nai và có mở chi nhánh tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định để kinh doanh trong lĩnh vực khai thác và bán đá xây dựng.

Trước ngày 30 tháng 6 năm 2020, ông Nguyễn An T2 là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại C (gọi tắt là Công ty C) có liên hệ mua đá của Công ty T nhiều lần. Tuy nhiên, vì ông T2 trình bày việc mua bán không thường xuyên nên Công ty T xác định Công ty C là khách hàng mua lẻ và không ký kết hợp đồng. Trong quá trình mua bán, hai bên có lập phiếu xuất nhưng thời gian đã lâu và đã đối chiếu công nợ nên Công ty T không còn lưu giữ các phiếu xuất này. Do số nợ lớn, đến ngày 30 tháng 6 năm 2020, ông N là Phó Giám đốc và ông T3 là Giám đốc công ty T có tiến hành đối chiếu công nợ với ông T2. Tại biên bản đối chiếu, ông T2 xác nhận Công ty C còn nợ của Công ty T 40.889.200 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty C chỉ trả được 3.000.000 đồng. Nay Công ty T đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty C trả số tiền còn nợ là 37.889.200 đồng.

Tại phiên Toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án. Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tòa án dự thu tạm ứng án phí chưa đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty C trả nợ theo các hợp đồng mua bán hàng hóa. Giữa hai công ty đều có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận nên quan hệ tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại cụ thể là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo kết quả xác minh tại UBND xã P thì hiện nay không xác định được Công ty C đặt trụ sở tại đâu. Trong khi theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh xác định trụ sở công ty tại thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của Công ty C và Công ty T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T, Hội đồng xét xử nhận định: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho người đại diện hợp pháp của Công ty C cũng như triệu tập đến Tòa để giải quyết vụ án. Tuy nhiên người đại

diện của Công ty C không có mặt cũng không cung cấp văn bản ý kiến của mình về nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lời khai của Công ty T cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Từ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện có đủ căn cứ xác định:

[4] Mặc dù giữa Công ty T và Công ty C không ký kết hợp đồng mua bán cụ thể nhưng qua biên bản đối chiếu công nợ ngày 30 tháng 6 năm 2020 mà Công ty T cung cấp cho Tòa án thì ông Nguyễn An T2 là người đại diện hợp pháp của Công ty C có ký xác nhận nợ số tiền 40.889.200 đồng. Như vậy chỉ khi việc mua bán là có thật thì ông T2 mới xác nhận nợ. Công ty T mặc dù không cung cấp chứng từ chứng minh Công ty C đã trả được 3.000.000 đồng nhưng việc trình bày này là có lợi cho bị đơn nên được Tòa án chấp nhận. Do đó, áp dụng Điều 440 của Bộ luật dân sự, cần buộc Công ty C trả cho Công ty T số tiền mua bán chưa thanh toán là 40.889.200 đồng – 3.000.000 đồng = 37.889.200 đồng. Công ty T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty C phải chịu 3.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Vì toàn bộ yêu cầu của Công ty T được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Việc Tòa án dự thu tạm ứng án phí chưa đúng nhưng vụ án được xét xử xong nên xét thấy không cần thu bổ sung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 325, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn C trả cho Công ty trách nhiện hữu hạn T số tiền 37.889.200 (ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi chín triệu hai trăm) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại C phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn T 950.000 (chín trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà Công ty trách nhiện hữu hạn T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000987 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

Đương sự có mặt có quyền khắng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án ,quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H.Tuy Phước;
- CCTHADS H. Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Quyên